

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày: 06 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Mạc

Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Hà Văn D (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 16 tháng 5 năm 1983, tại: Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi tạm trú: đường Đ, tổ A, khu phố B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Thanh V và con bà: Hoàng Thị P. Bị cáo có vợ là Bùi Thị L, có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2019 đến ngày 14/3/2019 được gia đình nhận bảo lãnh. Hiện nay bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại, Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn D:* Ông Phùng Văn H, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

- *Bị hại:*

Anh Hà Văn C, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

2. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

3. Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

4. Anh Hà Văn T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

5. Anh Hà Văn T1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn D sinh ra và lớn lên tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1996 cùng gia đình chuyển đến sinh sống tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2009 đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Tối ngày 11 tháng 01 năm 2019, D đi từ tỉnh Bình Dương về xã E, huyện E để thăm gia đình. Khoảng 08 giờ ngày 12 tháng 01 năm 2019, D về đến địa bàn xã E và đi bộ về nhà, trên đường về D đi vào nhà của em trai là Hà Văn D1 chơi, nhưng lúc này nhà anh D1 không có ai ở nhà, phát hiện ở khu đất trống của gia đình anh Hà Văn C có 04 con trâu, D nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, nhưng lúc này trời còn sáng nên D sợ bị phát hiện nên D chưa trộm cắp trâu ngay. Khoảng 03 giờ ngày 13 tháng 01 năm 2019, sau khi đã thăm dò, D đi đến khu vực để trâu của gia đình anh C, tới chỗ con trâu cái tháo sợi dây thừng đã được cột vào mũi con trâu dắt ra, khi con trâu đi thì con nghé cũng đi theo. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày D dắt trâu và nghé về tới thôn B, xã Y, huyện E rồi cột trâu vào gốc cây để cho trâu uống nước. Sau đó, D đến quán tạp hóa gần đó mua bút và giấy viết một giấy tay mua bán trâu giả, với mục đích khi D bán trâu người mua sẽ tin tưởng và mua trâu của D. Sau khi viết giấy xong, D đi ra khu vực bến xe huyện E rồi đến nhà gặp ông Nguyễn Đức T và

nhờ ông T tìm người mua trâu giúp cho D. Ông T nói D đến nhà ông Phạm Văn P và nhờ ông P dùng xe máy cày chở Trâu và Nghé về nhà ông P gửi rồi tìm người mua. Khoảng 12 giờ cùng ngày, ông P đến nhà ông Đoàn Văn C để hỏi ông C có mua trâu không, ông C đến xem và yêu cầu D đưa người bán trâu cho D đến, D đưa anh Hà Văn T đến làm chứng nhưng anh T không có giấy chứng minh nhân dân nên ông C đi về không mua. Đến sáng ngày 14/01/2019 nghi ngờ trâu và nghé của D do trộm cắp mà có nên ông P đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an huyện Ea Súp.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã thu giữ: 01 con trâu và 01 con nghé, hiện đã trả lại cho người bị hại anh Hà Văn C là chủ sở hữu.

Tại kết luận định giá tài sản số: 01 ngày 14/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện E kết luận: 01 con trâu và 01 con nghé, có trị giá là 36.000.000^d (Ba mươi sáu triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 29/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, đã truy tố Hà Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hà Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Văn D mức án tù 01 năm đến 01 năm 3 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm đến 02 năm 6 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp trả cho người bị hại anh Hà Văn C là chủ sở hữu tài sản bị mất bao gồm: 01 con trâu và 01 con nghé.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất, và nhận 5.000.000^d (Năm triệu đồng) tiền bồi thường từ bị cáo Hà Văn D, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn D trình bày: Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp truy tố bị cáo D theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật nên về tội danh ông không có ý kiến gì mà chỉ phân tích các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để khi nghị án Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo: Bị cáo D đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu); Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo; Bố bị cáo là người có công với cách mạng; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất. Về án phí bị cáo D thuộc diện hộ nghèo, bị cáo đã có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Hà Văn D không tranh luận gì, đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của những người làm chứng ông Nguyễn Đức T, ông Phạm Văn P, ông Đoàn Văn C, anh Hà Văn T, anh Hà Văn T1 không có lý do, nhưng tại Cơ quan điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới quá trình xét xử. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 03 giờ ngày 13 tháng 01 năm 2019 bị cáo Hà Văn D đã lén lút lấy trộm 01 con trâu và 01 con nghé của anh Hà Văn C với tổng trị giá là 36.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo D đã phạm vào

tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Hà Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo Hà Văn D gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị xử lý. Do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo gây ra.

[4] Xét thấy bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (Tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu); Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; Bị cáo là người dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế khó khăn gia đình thuộc diện hộ nghèo; Bố bị cáo là người có công với cách mạng; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để theo dõi, giám sát cũng đảm bảo việc giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và cũng nhằm mục đích đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp trả cho người bị hại anh Hà Văn C là chủ sở hữu tài sản bị mất bao gồm: 01 con trâu và 01 con nghé là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Hà Văn D thuộc diện hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn D 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Hà Văn D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp trả cho người bị hại anh Hà Văn C là chủ sở hữu tài sản bị mất bao gồm: 01 con trâu và 01 con nghé.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn D.

Quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài